

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HS-ST
Ngày 24-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hữu Phúc
- Ông Nguyễn Văn Sĩ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 09/TB-TA ngày 09 tháng 8 năm 2021, đối với:

- Bị cáo Võ Văn D, sinh năm 1990; tên gọi khác: Không; tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: khóm K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn L, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 15/5/2020 bị Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện T ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn thời hạn 03 tháng, chấp hành xong ngày 17/8/2020; nhân thân: ngày 26/9/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 28/4/2018 (đã được xóa án tích); tạm giữ: Ngày 09/4/2021; tạm giam: Ngày 15/4/2021.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Trần Huỳnh Duy N, sinh năm 1987, có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: khóm H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lý Văn T, sinh năm 1972, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Võ Thị Kim N, sinh năm 1980, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Phạm Thị C, sinh năm 1996, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bùi Văn C, sinh năm 1986, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bùi Văn N, sinh năm 1995, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Thị Thu C, sinh năm 1973, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Võ Văn L, sinh năm 1965, *có đơn xin vắng mặt*.

4. Nguyễn Thị D, sinh năm 1966, *có đơn xin vắng mặt*.

Cùng địa chỉ: khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Phan Đức P, sinh năm 2000, *vắng mặt*.

Địa chỉ: khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Võ Văn H, sinh năm 1992, *vắng mặt*.

3. Võ Văn V, sinh năm 1994, *vắng mặt*.

4. Nguyễn Anh K, sinh năm 1995, *vắng mặt*.

Địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Văn D bị nghiện ma túy, do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng, bị cáo đã thực hiện trộm cắp trên địa bàn huyện T và huyện T, cụ thể như sau:

- Lần 1: Rạng sáng ngày 13/02/2021 bị cáo D đến nhà bạn tên Phan Văn G tại cụm dân cư khóm J, thị trấn T, huyện T chơi. Tại đây D phát hiện xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Winner, màu trắng - đen, biển kiểm soát 66N1 – 237.31 của bị hại Trần Huỳnh Duy N đậu phía trước nhà của G, lúc này anh N ngủ trong nhà G, xe vẫn còn để chìa khóa nhưng không có người trông coi nên D nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô trên bán lấy tiền. Đến khoảng 04 giờ 15 phút cùng ngày, quan sát thấy không có ai chú ý, D lén lút lấy xe điều khiển chạy đến nhà bạn tên Nguyễn Anh K thuộc khóm K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

(cách nhà G khoảng 500 mét) cất giấu, ý định của bị cáo D là chờ đến sáng mang xe đi tìm chỗ bán. Khi đem xe đến nhà K thì bị cáo D dựng xe ngoài sân, rồi rút chìa khóa bỏ vào túi quần, bị cáo không nói với người trong nhà K gửi xe, người trong nhà cũng không biết sự việc D để xe ngoài sân.

Sau khi cất giấu xe xong thì bị cáo đi bộ về nhà của G chơi, lúc này G phát hiện xe bị mất trộm nên nói với anh N, sau đó N nhờ D chở đi tìm xe nhưng không phát hiện nên anh N kêu bị cáo chở đến Công an thị trấn T trình báo, xong thì N cùng bị cáo về nhà của G tổ chức nhậu, đến khoảng 06 giờ nghỉ nhậu, bị cáo đi vào nhà bạn ở xã T chơi. Đến khoảng 07 giờ ngày 13/02/2021, do có người nói thấy D điều khiển xe giống đặc điểm xe của N, nên N điện thoại hỏi D có lấy xe không, lúc này D thừa nhận và giao xe cho em ruột tên Võ Văn V đem về trả lại anh N.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Winner, màu trắng – đen, biển kiểm soát 66N1 – 237.31, đã qua sử dụng. Xe mô tô trên anh Trần Huỳnh Duy N mua của Nguyễn Duy X, ngụ khóm J, thị trấn T, huyện T, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Quá trình điều tra đã trao trả xe cho anh N.

Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 18/02/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Winner, màu trắng – đen, biển kiểm soát 66N1–237.31, đã qua sử dụng, có giá trị định giá là 23.5000.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại N đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu gì thêm.

- Lần 2: khoảng 23 giờ ngày 02/4/2021, bị cáo D đi bộ hướng từ cụm dân cư khóm Y ra đường Võ Văn K thuộc khóm P, thị trấn T, để kiểm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà trọ Ngọc D thuộc khóm P, thị trấn T, huyện T phát hiện nhà trọ không có đóng cửa rào, bị cáo lén lút vào dãy nhà trọ này, khi vào thì bị cáo thấy phòng số 1 dãy bên trái có người, nhưng cửa phòng khép lại. Bị cáo tiếp tục đi vào trong đột nhập vào phòng trọ số 4, dãy phòng bên phải của chị Võ Thị Kim N thuê, cửa mở nhưng không có người bên trong, nên bị cáo đi vào lút tìm kiếm tài sản thì phát hiện và lấy trộm được: 01 chiếc điện thoại, nhãn hiệu Samsung J7 màu hồng đang sạc pin và tiền Việt Nam 2.500.000đồng. Sau đó bị cáo tiếp tục đi đến phòng trọ số 2 (cùng dãy phòng bên phải) của chị Phạm Thị C thuê, cũng mở cửa và không có người (lúc này chị N và C đang ở phòng số 1 chơi), tại đây bị cáo phát hiện trên bàn trang điểm có quyển tập có tiền Việt Nam 2.500.000đồng, túi nylon treo trên tường nên bị cáo tiện tay lấy trộm rồi nhanh chóng tẩu thoát. Sau khi trộm ở hai phòng như trên, bị cáo đếm được tổng cộng 5.000.000đồng gồm nhiều mệnh giá từ 100.000đồng đến 500.000đồng. Số tiền trên bị cáo dùng tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng, riêng chiếc điện thoại thì bị cáo đổi cho một đối tượng ở xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (không rõ họ tên, địa chỉ) lấy ma túy sử dụng hết.

Riêng trong túi nylon trong phòng số 2 của chị Cẩm có các trang sức bị cáo quan sát biết là vàng giả nên đã ném bỏ, không nhớ bỏ đâu. Bị hại C khai là vàng giả mua đã lâu không nhớ bao nhiêu tiền, số lượng bao nhiêu món, đã lâu không sử dụng nữa, bị hại để trong túi nylon định vứt bỏ thì bị mất trộm. Số nữ trang này cũng không có giá trị nên bị hại cũng không yêu cầu. Do đó, không đủ cơ sở định giá.

Tài liệu thu giữ: 01 đoạn video trích xuất từ Camara an ninh của nhà trọ Ngọc D, ghi lại quá trình bị cáo D đột nhập vào trộm cắp tài sản ngày 02/4/2021.

Bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 08/6/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, màu hồng, đã qua sử dụng, có giá trị định giá là 1.000.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại N yêu cầu bồi thường số tiền 2.500.000đồng và 2.000.000đồng tiền giá trị điện thoại di động; bị hại C yêu cầu bồi thường số tiền 2.500.000đồng, riêng các vòng trang sức không có giá trị nên không yêu cầu bồi thường. Bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại, đã bồi thường xong.

- Lần 3: Khoảng 19 giờ ngày 03/4/2021, bị cáo đi bộ một mình từ xã P đi hướng thị trấn T. Khi đi đến nhà anh Bùi Văn C, thuộc ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo phát hiện nhà không có đóng cửa bên trong có đậu xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe TAURUS, màu xe đỏ - đen, biển kiểm soát 66P1-831.98 của anh Bùi Văn N, xe bị bể bánh nên N gửi tại nhà C, có gắn chìa khóa nhưng không có người trông coi, nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm, quan sát thấy không có ai, liền lẻn vào nhà và lấy trộm xe mô tô rồi ra đường nổ máy điều khiển đến thị trấn T, sau đó bị cáo phát hiện xe bị bể bánh sau.

Bị cáo tiếp tục điều khiển xe đến nhà bạn tên Phan Đức P, ngụ khóm U, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp chơi nhưng khi đến nơi thì P đã ngủ nên không vào nhà được, lúc này bị cáo quan sát thấy có một xe mô tô loại xe Cúp 50, có biển số 93F8 – 0213 đang đậu phía trước nhà P, không có ai trông coi nên bị cáo dùng chìa khóa có sẵn trong xe, tháo biển số xe vừa trộm được ném bỏ, rồi tháo lấy biển số 93F8 – 0213 gắn vào xe vừa trộm được, sau đó điều khiển xe đến khu vực xã T, huyện T chơi. Đến ngày 08/4/2021 bị cáo D sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện trộm cắp tài sản ở huyện T rồi bỏ xe lại hiện trường.

Tang vật thu giữ gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe TAURUS, màu sơn đỏ - đen, xe không có biển số, xe đã qua sử dụng; 01 biển số kiểm soát 93F8 - 0213. Đối với xe mô tô trong quá trình điều tra đã trao trả cho Bùi Văn N. Riêng đối với biển số 66P1-831.98 bị cáo đã ném bỏ, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm được.

Đối với biển số kiểm soát 93F8 – 0213, hiện nay chưa tìm được chủ sở hữu, tiếp tục giao cho Cơ quan điều tra quản lý, khi nào tìm được chủ sở hữu giải quyết theo quy định.

Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 13/4/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe TAURUS, màu sơn đỏ - đen, có biển số 66P1 – 831.98, xe đã qua sử dụng, có giá trị định giá là 4.000.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bùi Văn N đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu gì thêm.

- Lần 4: Buổi trưa ngày 08/4/2021, bị cáo D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu TAURUS trộm được ở xã P đi đến huyện T, tỉnh Đồng Tháp, mục đích kiếm tài sản lấy trộm. Khi đi đến nhà của anh Lý Văn T thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị cáo D phát hiện nhà không đóng cửa rào, trong nhà có 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, màu sơn nâu, biển số 60R1-1902 có gắn sẵn chìa khóa đang đậu trong sân nhà nhưng không có ai trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm xe trên.

Bị cáo điều khiển xe vào đậu trong sân nhà rồi đi vào trong nhà lút tìm kiếm tài sản lấy trộm, bị cáo đi vào trong phòng ngủ phát hiện trong túi quần sọt treo trên sào quần áo có tiền nên dùng tay đưa vào trong túi quần và lấy trộm tiền Việt Nam 4.900.000đồng trên rồi đi ra trước sân lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, màu sơn nâu, biển số 60R1-1902 của anh T, bị cáo bỏ lại hiện trường xe mô tô nhãn hiệu TAURUS trộm của anh N ở xã P. Đến khoảng 6 giờ ngày 09/4/2021, lực lượng chức năng tiến hành bắt giữ bị cáo cùng tang vật.

Tang vật thu giữ của bị cáo D gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Super Dream, màu nâu, biển số 60R1 – 1902, số khung 068177, số máy 0918236, xe đã qua sử dụng; tiền Việt Nam 2.728.000đồng, đây là số tiền trộm của anh T còn lại. Xe mô tô trên anh T mua của người quen ở Đồng Nai, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Quá trình điều tra đã trao trả xe và tiền 2.728.000đồng cho bị hại T.

Bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐ ngày 14/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Super Dream, màu nâu, biển số 60R1 – 1902, số khung 068177, số máy 0918236, xe đã qua sử dụng, có giá trị định giá là 9.000.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại T đã nhận lại xe mô tô và yêu cầu bị cáo bồi thường 2.200.000đồng, ngoài không yêu cầu gì thêm. Bị cáo thống nhất và bồi thường xong.

Tại Cáo trạng số: 28/CT-VKS-TN ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Võ Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Võ Văn D, phạm tội "Trộm cắp tài sản" mức án tù 02 năm đến 03 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Võ Văn D khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 18/02/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 13/4/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; Bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐ ngày 14/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; Bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 08/6/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T; Biên bản khám nghiệm hiện trường và Sơ đồ hiện trường ngày 14/4/2021 của Công an huyện T tại khóm E, K thuộc thị trấn T và ấp H, xã P và Sơ đồ hiện trường ngày 08/4/2021 của Công an huyện T; Tờ khai

nhận của bị cáo; Lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng, bị cáo đã thực hiện trộm cắp tài sản, cụ thể như sau: ngày 13/02/2021 trộm cắp của Trần Huỳnh Duy N 01 xe mô tô có giá trị 23.500.000đồng tại khóm H, thị trấn T, huyện T; ngày 02/4/2021 trộm của Võ Thị Kim N 2.500.000đồng và 01 điện thoại di động có giá trị 1.000.000đồng, tiếp tục trộm của Phạm Thị C 2.500.000đồng tại nhà trọ Ngọc D thuộc khóm K, thị trấn T, huyện T; ngày 03/4/2021 trộm của Bùi Văn N 01 xe mô tô có giá trị 4.000.000đồng và ngày 08/4/2021 trộm của Lý Văn T 4.900.000đồng và 01 xe mô tô trị giá 9.000.000đồng ở xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 47.400.000đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo làm thuê thu nhập thấp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phần nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài và để mua ma túy sử dụng mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân.

Ngoài ra, bị cáo có nhân thân không tốt ngày 26/9/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 01 tiền sự ngày 15/5/2020 bị Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện T ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn thời hạn 03 tháng nhưng bị cáo không sửa đổi bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội như trên. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại xong; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự.

Bị cáo trộm cắp tài sản để tiêu xài cá nhân chứ không trộm cắp để làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính, nên không thuộc trường hợp phạm tội có tính chuyên nghiệp. Vì vậy, áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo là phù hợp theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình Sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, Trần Huỳnh Duy N, Lý Văn T, Võ Thị Kim N, Phan Thị C, Bùi Văn N và Bùi Văn C đã nhận lại tài sản và bị cáo đã bồi thường xong, không ai có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Winner, màu trắng – đen, biển kiểm soát 66N1 – 237.31; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe TAURUS, màu sơn đỏ - đen, xe không có biển số, xe đã qua sử dụng; đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Super Dream, màu nâu, biển số 60R1 – 1902, số khung 068177, số máy 0918236, xe đã qua sử dụng và tiền Việt Nam 2.728.000đồng. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho Trần Huỳnh Duy N, Bùi Văn N và Lý Văn T nhận xong nên không xem xét.

Đối với biển số 93F8 – 0213 do bị cáo dùng gắn vào xe anh N hiện nay chưa tìm được chủ sở hữu. Trong quá trình điều tra bị cáo khai lấy biển số xe này tại nhà của Phan Đức P nhưng tại thời điểm đó không có ai khai báo mất biển số xe và Phúc khai không có ai để xe trước nhà của P. Vì vậy tiếp tục giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện T quản lý, khi nào tìm được chủ sở hữu giải quyết theo quy định pháp luật là phù hợp. Hiện Cơ quan điều tra Công an huyện T đang quản lý biển số trên.

Đối với biển số xe 66P1-831.98 của Bùi Văn N, bị cáo đã ném bỏ, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm được và anh N không có yêu cầu nên không xem xét.

Đối với túi nylon trong phòng trọ số 2 của chị C có các trang sức là vàng giả nên bị cáo đã ném bỏ không tìm được, chị C khai là vàng giả không sử dụng nữa và số nữ trang này cũng không có giá trị nên chị C cũng không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với 01 đoạn video trích xuất từ Camara an ninh của nhà trọ Ngọc D, ghi lại quá trình bị cáo D đột nhập vào trộm cắp tài sản ngày 02/4/2021. xét thấy, đây là chứng cứ chứng minh bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch lưu hồ sơ vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Đối với tổng số tiền bồi thường cho các bị hại là 9.200.000đồng do Võ Văn L và Nguyễn Thị D là cha mẹ bị cáo đưa để bồi thường, ông L và bà D không yêu cầu bị cáo trả lại nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị

quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Văn D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Văn D 02 (hai) năm, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 09 tháng 4 năm 2021.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) đoạn video trích xuất từ Camara an ninh của nhà trọ Ngọc D. Vật chứng hiện đang lưu hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Võ Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông